

*

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 5 năm 2022

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TCLLCT-HC HỆ KTT KHÓA K1 TẠI ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐHTN
Khối kiến thức I: Những vấn đề cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng
Hồ Chí Minh; Tình hình nhiệm vụ địa phương

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Đào Ngọc Anh	07/6/1978	1	25	7,0	Bảy	
2	Trần Thị Ngọc Anh	01/11/1981	2	32	7,0	Bảy	
3	Trần Tuấn Anh	26/4/1986	3	61	8,0	Tám	
4	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	4	05	7,5	Bảy rưỡi	
5	Trần Ngọc Bích	07/11/1978	5	46	7,5	Bảy rưỡi	
6	Đỗ Thị Linh Chi	03/4/1981	6	66	7,5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Văn Công	29/6/1973	7	49	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị Dung	11/12/1986	8	23	7,5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Đắc Dũng	31/8/1982	9	06	7,0	Bảy	
10	Ngô Mạnh Dũng	18/8/1984	10	28	7,0	Bảy	
11	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	11	11	7,0	Bảy	
12	Nguyễn Thị Thu Hà	20/02/1983	12	13	8,0	Tám	
13	Nguyễn Hồng Hải	25/11/1980	13	51	7,0	Bảy	
14	Nguyễn Quang Hải	20/5/1978	14	29	7,0	Bảy	
15	Nguyễn Thị Thu Hằng	04/12/1982	15	42	7,5	Bảy rưỡi	
16	Đỗ Thị Hồng Hạnh	10/7/1976	16	36	7,0	Bảy	
17	Nguyễn Thị Phương Hào	29/6/1981	17	45	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
18	Vũ Thị Hậu	16/10/1976	18	09	7,0	Bảy	
19	Nguyễn Thị Hồng Hoa	01/12/1985	19	71	8,0	Tám	
20	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980	20	64	7,5	Bảy rưỡi	
21	Trịnh Thị Thu Hòa	05/8/1980	21	17	7,5	Bảy rưỡi	
22	Phan Thị Hòa	17/4/1983	22	47	7,5	Bảy rưỡi	
23	Bùi Thế Hùng	12/8/1980	23	59	7,0	Bảy	
24	Trương Phúc Hưng	24/5/1984	24	58	7,5	Bảy rưỡi	
25	Lê Thị Thanh Hương	25/01/1982	25	22	7,5	Bảy rưỡi	
26	Đỗ Thị Vân Hương	27/9/1983	26	39	7,5	Bảy rưỡi	
27	Ma Thị Hường	29/4/1974	27	19	7,5	Bảy rưỡi	
28	Đào Đức Huy	06/10/1980	28	31	7,0	Bảy	
29	Dương Thị Huyền	18/3/1987	29	38	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thanh Huyền	03/12/1982	30	69	8,0	Tám	
31	Phạm Văn Khang	15/01/1982	31	07	7,0	Bảy	
32	Phạm Hữu Kiên	12/9/1980	32	-	-	Vắng thi	
33	Vũ Thị Lan	03/12/1978	33	03	7,5	Bảy rưỡi	
34	Phạm Thị Thanh Mai	29/9/1979	34	67	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Thị Trà My	08/3/1984	35	34	7,0	Bảy	
36	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982	36	21	7,5	Bảy rưỡi	
37	Vũ Quỳnh Nam	12/4/1983	37	14	7,0	Bảy	
38	Hà Thị Thanh Nga	11/3/1980	38	35	7,0	Bảy	
39	Trịnh Thị Nghĩa	01/5/1984	39	12	7,5	Bảy rưỡi	
40	Hoàng Thị Nghĩa	26/11/1980	40	18	7,0	Bảy	
41	Hoàng Văn Ngọc	25/8/1976	41	68	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
42	Nguyễn Thị Ngọc	14/4/1982	42	62	7,5	Bảy rưỡi	
43	Trương Thị Thảo Nguyên	27/6/1984	43	33	7,0	Bảy	
44	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979	44	27	8,0	Tám	
45	Hoàng Thị Nhung	17/7/1980	45	01	7,5	Bảy rưỡi	
46	Lê Quang Ninh	02/7/1983	46	55	7,5	Bảy rưỡi	
47	Đỗ Thái Phong	03/11/1983	47	53	7,0	Bảy	
48	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	30/10/1981	48	02	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Thị Kim Phương	18/10/1985	49	40	7,5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Hạnh Phương	09/6/1976	50	26	7,0	Bảy	
51	Nguyễn Thị Quế	14/12/1984	51	20	7,5	Bảy rưỡi	
52	Bùi Minh Quý	19/3/1983	52	70	7,5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Văn Quyết	30/11/1979	53	16	7,0	Bảy	
54	Nguyễn Thái Sơn	08/11/1988	54	65	7,5	Bảy rưỡi	
55	Bùi Trọng Tài	10/8/1987	55	60	7,5	Bảy rưỡi	
56	Trần Thị Tám	14/01/1974	56	43	7,0	Bảy	
57	Nguyễn Phương Thảo	05/11/1981	57	50	7,0	Bảy	
58	Nguyễn Văn Thiều	31/12/1980	58	48	7,5	Bảy rưỡi	
59	Trịnh Diễm Thúy	05/10/1978	59	37	8,0	Tám	
60	Phạm Thị Thùy	29/3/1981	60	30	7,0	Bảy	
61	Đàm Thanh Thủy	17/10/1973	61	57	7,5	Bảy rưỡi	
62	Vũ Thị Thu Thủy	04/9/1975	62	56	7,0	Bảy	
63	Ngô Thị Thu Trang	20/7/1980	63	04	7,0	Bảy	
64	Nguyễn Thành Trung	24/9/1980	64	54	7,0	Bảy	
65	Nguyễn Thị Tuấn	06/6/1979	65	44	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
66	Trịnh Thanh Tuấn	05/10/1989	66	41	7,0	Bảy	
67	Trần Thanh Tùng	20/7/1970	67	15	7,0	Bảy	
68	Cáp Thanh Tùng	15/8/1963	68	24	7,0	Bảy	
69	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978	69	08	7,5	Bảy rưỡi	
70	Đoàn Thị Yến	17/02/1985	70	52	7,0	Bảy	
71	Trần Thị Yến	21/10/1987	71	10	7,0	Bảy	
72	Trần Anh Vũ	04/9/1987	72	63	7,0	Bảy	

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Mây

HIỆU TRƯỞNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thu Huyền

